

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21-6-2024

*“V/v ly hôn giữa bà Xuyen và ông
Hiếu”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Gia Khải; Bà Phạm Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên
tòa:*** Bà Vũ Quỳnh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị X, sinh năm 1974.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1964.

Đều cư trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bà X, ông H có đơn xin xử án vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn là bà Đào Thị X trình bày: Bà và ông Nguyễn Trung H tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q vào ngày 17/11/1991, sau khi kết hôn cả hai sinh sống tại xã A và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 6/2000 mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa và sống ly thân, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn bà đề nghị xin được ly hôn ông H.

-Về con chung: Bà X khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 17/9/1992 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 22/12/1997, hai con chung đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

-Về tài sản chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Trung H: Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/5/2024 ông H trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông H xác nhận lời khai của bà X về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà X làm đơn khởi kiện ly hôn ông H cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, ông cũng nhất trí xin được ly hôn bà X. Về con chung ông H xác nhận vợ chồng có 02 con chung như bà X đã khai, hai con chung đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản chung ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 khoản Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà X được ly hôn ông H; Về con chung đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng; Về tài sản chung: bà X và ông H không yêu cầu giải quyết tài sản chung, vì vậy không đặt ra giải quyết; Bà X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, HĐ đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đào Thị X khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Trung H. ông H là bị đơn, đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Đào Thị X và ông Nguyễn Trung H được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q vào ngày 17/11/1991 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai sinh sống và lao động tự do tại xã A, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà X làm đơn khởi kiện ly hôn, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự biết và đến Tòa án tham gia phiên hòa giải để vợ chồng gặp gỡ có cơ hội trở về đoàn tụ, nhưng tại các phiên hòa giải ông H vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai ông H tại gia đình, ông H xác nhận tình cảm vợ chồng giữa ông và bà X không còn và đề nghị nhất trí xin được ly hôn, do công việc bận mãi ông không đến Tòa án Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa được, ông H làm đơn gửi

Tòa án đề nghị xin được xét xử vắng mặt. Đối với bà X quá trình tố tụng vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa bà X và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà X được ly hôn ông H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Bà X và ông H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 17/9/1992 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 22/12/1997. Hai con chung đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Bà X và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Bà X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà X và ông H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đào Thị X được ly hôn ông Nguyễn Trung H.

2/Về con chung: Bà X và ông H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 17/9/1992 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 22/12/1997. Hai con chung đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

3/Về tài sản chung: Bà X và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Bà X phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền bà X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004663 ngày 26/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Bà X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND xã An Đồng.
- Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC

